

Số: 02/2024/QĐST-VDS

LS, ngày 19 tháng 9 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH  
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ  
V/v Yêu cầu Hủy kết hôn trái pháp luật**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LS – TỈNH HB**

***Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên họp: Bà Phan Thị Hà

***Thư ký phiên họp:*** Bà Bùi Hồng Cúc, thư ký Tòa án nhân dân huyện LS, tỉnh HB.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện LS, tỉnh HB tham gia phiên họp:*** Ông Đinh Thế Tâm – Kiểm sát viên

Ngày 19 tháng 9 năm 2024 Tòa án nhân dân huyện LS, tỉnh HB mở phiên họp sơ thẩm công khai quyết định giải quyết việc dân sự thụ lý số: 02/2024/TLST-VDS ngày 12 tháng 8 năm 2024 về việc “Yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 02/2024/QĐST-VDS ngày 05 tháng 9 năm 2024, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

***Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*** Chị Hà Thị M, sinh năm 1992, địa chỉ: Xóm Tráng Cát, xã Yên Phú, huyện LS, tỉnh HB (Có mặt).

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Anh: Bùi Văn D, sinh năm 1988; Địa chỉ: Xóm Tráng Cát, xã Yên Phú, huyện LS, tỉnh HB (Vắng mặt, có đơn xin giải quyết vắng mặt)

2. Ủy ban nhân dân xã XN, huyện VH, tỉnh SL: Đại diện theo pháp luật – Bà Đinh Thị T, sinh năm 1980, Chủ tịch UBND xã XN (Vắng mặt, có đơn xin giải quyết vắng mặt)

**NỘI DUNG VIỆC D SỰ:**

Theo đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên họp hôm nay, chị Hà Thị M trình bày:

Chị Hà Thị M và anh Bùi Văn D kết hôn với nhau vào ngày 08/01/2009, có đăng ký kết hôn tại UBND xã XN, huyện MC (nay là huyện VH), tỉnh SL. Trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, không ai ép buộc, có tổ chức lễ cưới theo phong

tục truyền thống của địa phương. Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng từ năm 2018 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, hay xảy ra cãi nhau, dẫn đến tình cảm vợ chồng bị rạn nứt, không hàn gắn được. Chị M sinh ngày 02/02/1992 khi đăng ký kết hôn ngày 08/01/2009 thì chị M chưa đủ tuổi (mới 16 tuổi 11 tháng 6 ngày), do thiếu hiểu biết nên chị đã khai tăng tuổi của chị từ sinh năm 1992 thành sinh năm 1991 để cho đủ tuổi kết hôn, chị M không biết việc đăng ký kết hôn giữa chị và anh Bùi Văn D đã vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Nay vợ chồng mâu thuẫn không chung sống được với nhau và chị nhận thức được việc khai không đúng độ tuổi dẫn đến việc kết hôn trái pháp luật. Hiện nay anh Bùi Văn D cư trú sinh sống tại xóm Trắng Cát, xã Yên Phú, huyện LS, tỉnh HB nên chị Hà Thị M làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện LS, tỉnh HB giải quyết yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật giữa chị Hà Thị M và anh Bùi Văn D.

Về con chung: Chị Hà Thị M, anh Bùi Văn D đều thống nhất đề nghị Tòa án nhân dân huyện LS công nhận sự thỏa Tận giữa chị Hà Thị M và anh Bùi Văn D về con chung như sau: Giao cả ba cháu Bùi Thị Hằng N, sinh ngày 09/5/2011, Bùi Hà Hương T1, sinh ngày 13/9/2016, Bùi Văn D1, sinh ngày 09/5/2021 cho anh Bùi Văn D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và chị M chưa phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh D. Tại biên bản lấy lời khai cháu Bùi Thị Hằng N (Bút lục 21), biên bản lấy lời khai cháu Bùi Hà Hương T1 (Bút lục 22) thể hiện các cháu N và T1 đều có nguyện vọng ở với anh Bùi Văn D.

Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai ngày 28/8/2024 và tại đơn xin giải quyết vắng mặt đề ngày 16/9/2024 anh Bùi Văn D trình bày: Anh và chị Hà Thị M đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã XN vào ngày 08/01/2009 và được UBND xã XN cấp giấy chứng nhận kết hôn số 01, quyển số 01, ngày 08/01/2009. Trong quá trình đăng ký kết hôn do nhận thức hạn chế về pháp luật nên anh D không biết việc đăng ký kết hôn giữa anh D và chị M là vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 với lý do tại thời điểm kết hôn ngày 08/01/2009 thì chị M chưa đủ tuổi kết hôn (mới 16 tuổi 11 tháng 6 ngày). Hiện nay vợ chồng mâu thuẫn không hạnh phúc nguyên nhân do kinh tế khó khăn, anh đi làm, chị M cũng đi làm ăn, chị M không quan tâm đến chồng con. Vì vậy nay chị Hà Thị M yêu cầu Tòa án huyện LS hủy kết hôn trái pháp luật giữa chị M và anh thì anh cũng đồng ý.

Tại bản tự khai ngày 29/8/2024 , Ủy ban nhân dân xã XN trình bày: Chị Hà Thị M và anh Bùi Văn D kết hôn với nhau có đăng ký tại UBND xã XN, huyện MC (nay là huyện VH), tỉnh SL vào ngày 08/01/2009. Tuy nhiên trong sổ đăng ký kết hôn gốc lưu tại UBND xã XN thì có ghi “*chị Hà Thị M, sinh năm 1991 và anh Bùi Văn D, sinh*

năm 1988”. Tại thời điểm năm 2009 khi chị M và anh D đến đăng ký kết hôn tại UBND xã XN, chị M và anh D đã tự kê khai năm sinh, tuổi của mình, cán bộ tư pháp tại thời điểm năm 2009 ghi theo kê khai của chị M, anh D. Chị Hà Thị M đã khai chị Hà Thị M sinh ngày “02/02/1991”, khi kê khai chị M không đưa chứng minh nhân dân hay giấy tờ tùy thân nộp cho ủy ban nhân dân xã XN. Chính vì vậy dẫn đến việc Ủy ban nhân dân xã XN đã cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 01, quyền số 01, đề ngày 08/01/2009 cho chị Hà Thị M và anh Bùi Văn D. Tại thời điểm đăng ký kết hôn tại xã XN chị M đã khai không đúng năm sinh của mình, từ sinh năm 1992 thành sinh năm 1991 để đủ tuổi kết hôn. Do vậy nay chị Hà Thị M yêu cầu Tòa án nhân dân huyện LS, tỉnh HB hủy kết hôn trái pháp luật giữa chị Hà Thị M và anh Bùi Văn D thì Ủy ban nhân dân xã XN đề nghị Tòa án nhân dân huyện LS, tỉnh HB giải quyết theo quy định của pháp luật.

***Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện LS, tỉnh HB phát biểu quan điểm:***

Quá trình giải quyết vụ việc và tại phiên họp, Thẩm phán, thư ký đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự được đảm bảo.

Đề nghị áp dụng: Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 10, Điều 11, Điều 12, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm b khoản 2 Điều 40, khoản 4 Điều 143, Điều 149, Điều 367, Điều 369, Điều 370, Điều 371, Điều 372 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố hủy kết hôn trái pháp luật giữa chị Hà Thị M và anh Bùi Văn D; hủy giấy chứng nhận kết hôn số 01, quyền số 01 ngày 08/01/2009 của Ủy ban nhân dân xã XN, huyện MC (nay là huyện VH), tỉnh SL. Chị Hà Thị M và anh Bùi Văn D chấm dứt quan hệ vợ chồng.

Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận giữa chị Hà Thị M và anh Bùi Văn D, giao 03 cháu Bùi Thị Hằng N, sinh ngày 09/5/2011, Bùi Hà Hương T1, sinh ngày 13/9/2016, Bùi Văn D1, sinh ngày 09/5/2021 cho anh Bùi Văn D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và chị Hà Thị M chưa phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Bùi Văn D.

Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Chị Hà Thị M phải nộp lệ phí giải quyết việc dân sự theo quy định của pháp luật.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc D sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện LS, tỉnh HB nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành đầy đủ các trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật. Chị Hà Thị M và anh Bùi Văn D đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã XN, huyện MC (nay là huyện VH), tỉnh SL, nhưng hiện nay anh Bùi Văn D cư trú và sinh sống tại xóm Trắng Cát, xã Yên Phú, huyện LS, tỉnh HB và chị Hà Thị M có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện LS, tỉnh HB giải quyết việc hủy kết hôn trái pháp luật giữa chị Hà Thị M và anh Bùi Văn D. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ việc Tộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện LS, tỉnh HB.

Tại phiên họp ngày hôm nay người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Bùi Văn D, người đại diện theo pháp luật của UBND xã XN bà Đinh Thị T vắng mặt, anh Bùi Văn D và bà Đinh Thị T đã có lời khai đầy đủ, có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Xét thấy việc vắng mặt của anh Bùi Văn D, bà Đinh Thị T không ảnh hưởng đến nội dung phiên họp nên Tòa án quyết định tổ chức phiên họp.

[2] Về nội dung: Chị Hà Thị M (sinh ngày 02/02/1992) và anh Bùi Văn D đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã XN vào ngày 08/01/2009 và được Ủy ban nhân dân xã XN cấp giấy chứng nhận kết hôn số 01, quyển số 01, ngày 08/01/2009. Trong quá trình đăng ký kết hôn do nhận thức hạn chế về pháp luật nên chị Hà Thị M không biết việc đăng ký kết hôn giữa chị Hà Thị M và anh Bùi Văn D là vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 với lý do thời điểm chị M và anh D kết hôn chị M chưa đủ tuổi kết hôn (mới 16 tuổi 11 tháng 7 ngày). Nay chị M yêu cầu Tòa án nhân dân huyện LS, tỉnh HB hủy kết hôn trái pháp luật giữa chị Hà Thị M và anh Bùi Văn D.

2.1. Xét tại giấy khai sinh, căn cước công D của chị Hà Thị M thì ngày tháng năm sinh của chị Hà Thị M là ngày 02/02/1992. Như vậy việc chị Hà Thị M sinh ngày 02/02/1992 là có căn cứ.

2.2. Đối chiếu với giấy đăng ký kết hôn số 01, quyển số 01 ngày 08/01/2009 được Ủy ban nhân D xã XN cấp, thì thời điểm đăng ký kết hôn chị Hà Thị M mới 16 tuổi 11 tháng 7 ngày. Như vậy là vi phạm về điều kiện kết hôn về độ tuổi với nữ tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2000, hôn nhân giữa chị Hà Thị M và anh Bùi Văn D là trái pháp luật nên xét yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật của chị Hà Thị M là phù hợp. Căn cứ khoản 1 Điều 9; Nghị quyết của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao số 02/2000/NQ-HĐTP ngày 23/12/2000 Nghị quyết hướng dẫn áp

dụng một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, cần chấp nhận yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật giữa chị Hà Thị M và anh Bùi Văn D.

[3] Về hậu quả của việc hủy kết hôn trái pháp luật: Tại đơn yêu cầu, bản tự khai, biên bản lấy lời khai chị Hà Thị M và anh Bùi Văn D đều xác nhận vợ chồng có mâu thuẫn, cuộc sống không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị hủy kết hôn trái pháp luật. Căn cứ Điều 12 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 khi việc kết hôn trái pháp luật bị hủy thì chị Hà Thị M và anh Bùi Văn D chấm dứt quan hệ vợ chồng.

[4] Về con chung: Trong quá trình chung sống chị Hà Thị M và anh Bùi Văn D có 03 con chung tên là Bùi Thị Hằng N, sinh ngày 09/5/2011, Bùi Hà Hương T1, sinh ngày 13/9/2016, Bùi Văn D1, sinh ngày 09/5/2021. Khi chấm dứt quan hệ hôn nhân chị M, anh D đều thỏa Tận giao 03 cháu Bùi Thị Hằng N, Bùi Hà Hương T1, Bùi Văn D1 cho anh Bùi Văn D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, chị Hà Thị M chưa đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Bùi Văn D. Đồng thời các cháu Bùi Thị Hằng N, Bùi Hà Hương T1 đều có nguyện vọng được ở anh Bùi Văn D. Như vậy sự thỏa Tận của chị M, anh D là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm vào điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội. Căn cứ vào khoản 2 Điều 12; Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 công nhận sự thỏa thuận về con chung của chị Hà Thị M và anh Bùi Văn D.

[5] Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Chị Hà Thị M phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;

Căn cứ Điều 10; Điều 11; Điều 12; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 40; khoản 4 Điều 143; Điều 149; Điều 367; Điều 369; Điều 370; Điều 371; Điều 372 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 3; Điều 30 Luật Hộ tịch năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội Quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

**1. Chấp nhận yêu cầu của chị Hà Thị M.**

Tuyên bố hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa chị Hà Thị M và anh Bùi Văn D; hủy giấy chứng nhận kết hôn số 01, quyển số 01 ngày 08/01/2009 của Ủy ban nhân dân xã XN. Chị Hà Thị M và anh Bùi Văn D chấm dứt quan hệ vợ chồng.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa Tận giữa chị Hà Thị M và anh Bùi Văn D: Giao cháu Bùi Thị Hằng N, sinh ngày 09/5/2011, Bùi Hà Hương T1, sinh ngày 13/9/2016, Bùi Văn D1, sinh ngày 09/5/2021 cho anh Bùi Văn D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị Hà Thị M không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung.

3. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Chị Hà Thị M phải nộp số tiền 300.000<sup>d</sup> (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí giải quyết việc dân sự nhưng được đối trừ vào số tiền 300.000<sup>d</sup> (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng lệ phí giải quyết việc dân sự đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện LS, tỉnh HB theo biên lai thu số 0002358 ngày 08/8/2024.

4. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu có mặt có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân huyện LS, tỉnh HB có quyền kháng nghị quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc quyết định được niêm yết công khai.

5. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án theo quy định của Luật thi hành án dân sự với những quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 482 Bộ luật tố tụng dân sự.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND huyện LS;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện LS;
- UBND xã XN, huyện VH, tỉnh SL;
- Lưu hồ sơ vụ việc.

**THẨM PHÁN**

(Đã ký)

**Phan Thị Hà**